

Bản án số: 352/2018/DS-ST

Ngày: 18/6/2018

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN A – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2. Bà Võ Ngọc Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Đinh Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2017 về “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2018/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 102/2018/QĐST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V; Địa chỉ trụ sở: đường LH, phường LH, quận DD, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên lạc: đường TĐT, phường BN, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Duy S, sinh năm 1992 (theo văn bản ủy quyền số 13897/2018/UQ-VPB ngày 11/5/2018); Địa chỉ liên lạc: đường PXL, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm: 1972; Địa chỉ: đường BH, Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/8/2017, trong bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V (từ đây viết tắt là ngân hàng V) do ông Nguyễn Duy S là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là V Bank) đã cấp tín dụng cho ông Lê Văn T. Theo đó, ông T đã ký kết với V Bank các hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 2015296 giải ngân ngày 14/10/2014 (căn cứ vào đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng ngày 29/9/2014), số tiền vay là 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 30 tháng (chia làm 30 kỳ

trả nợ), lãi suất là 27%/năm, mục đích vay để tiêu dùng, thanh toán theo phương thức dư nợ giảm dần, trả dần lãi và gốc hàng tháng, mục đích vay tiêu dùng;

- Hợp đồng tín dụng số 2719887 giải ngân ngày 27/01/2015 (căn cứ vào đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng ngày 19/01/2015), số tiền vay là 33.000.000đồng, thời hạn vay là 48 tháng (chia làm 48 kỳ trả nợ), lãi suất vay là 30%/năm, mục đích vay để tiêu dùng, thanh toán theo phương thức dư nợ giảm dần, trả dần lãi và gốc hàng tháng, mục đích vay tiêu dùng;

- Hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-241480 mở ngày 09/4/2015, hạn mức là 13.000.000đồng, loại thẻ MC2 (theo đơn đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ký ngày 04/4/2015), mức lãi suất áp dụng theo biểu lãi suất áp dụng qua từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP V.

Thực hiện các hợp đồng trên, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Lê Văn T tổng số tiền là 83.000.000đồng theo hợp đồng tín dụng số 2015296 giải ngân ngày 14/10/2014 và hợp đồng tín dụng số 2719887 giải ngân ngày 27/01/2015, và đã giao thẻ tín dụng với hạn mức 13.000.000đồng cho ông T.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cụ thể như sau:

- Đối với hợp đồng tín dụng số 2015296 giải ngân ngày 14/10/2014: ông T đã thanh toán được 11 kỳ, với tổng số tiền là 23.173.000đồng, trong đó, tiền nợ gốc là 13.091.657đồng, tiền lãi là 10.181.343đồng. Kể từ ngày 15/9/2015, ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký, do đó, số nợ của ông T tại V Bank chuyển thành nợ quá hạn, ông T phải chịu thêm tiền lãi quá hạn phát sinh với mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn (theo quy định tại Điều 9 của hợp đồng).

Như vậy, tạm tính đến ngày 18/6/2018, đối với hợp đồng này, ông T còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 36.908.343đồng, nợ lãi là 42.671.515đồng, tổng cộng là 79.579.858đồng.

- Đối với hợp đồng tín dụng số 2719887 giải ngân ngày 27/01/2015: ông T đã thanh toán được 07 kỳ, với tổng số tiền là 8.381.000đồng, trong đó, tiền nợ gốc là 2.747.055đồng, tiền lãi là 5.633.945đồng. Kể từ ngày 28/9/2015, ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký, do đó, số nợ của ông T tại V Bank chuyển thành nợ quá hạn, ông T phải chịu thêm tiền lãi quá hạn phát sinh với mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn (theo quy định tại Điều 9 của hợp đồng).

Như vậy, tạm tính đến ngày 18/6/2018, đối với hợp đồng này, ông T còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 30.252.945đồng, nợ lãi là 38.390.952đồng, tổng cộng là 68.643.897đồng.

- Đối với hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-241480 mở ngày 09/4/2015, hạn mức là 13.000.000đồng: loại thẻ ông T sử dụng là MC2, ông T đã sử dụng hết số tiền là 12.900.402đồng, nhưng ông T đã không thanh toán số tiền nợ thẻ nêu trên, do đó, số nợ của ông T đã bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 23/7/2015, ông T phải chịu thêm tiền lãi quá hạn phát sinh với mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, mức lãi suất áp dụng theo biểu lãi suất áp dụng qua từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP V (cụ thể là từ 15/10/2013 đến 22/7/2015, áp dụng mức lãi suất là 26%/năm cho loại thẻ MC2; từ 23/7/2015 đến tháng 04/10/2016, áp dụng mức lãi suất là 29,88%/năm cho loại thẻ MC2; từ 05/10/2016 đến nay, áp dụng mức lãi suất là 35,88%/năm cho loại thẻ MC2).

Như vậy, tạm tính đến ngày 18/6/2018, đối với hợp đồng này, ông T còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 12.900.402đồng, nợ lãi là 13.537.188đồng, tổng cộng là 26.437.590đồng.

Nay ngân hàng V yêu cầu ông Lê Văn T trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ cho cả 03 hợp đồng nêu trên tạm tính đến ngày 18/6/2018 là 174.661.345đ (một trăm bảy mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn ba trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 80.061.690đồng và tiền lãi là 94.599.655đồng, yêu cầu thanh toán ngay một lần toàn bộ số nợ. Ngoài ra, ngân hàng V yêu cầu ông T thanh toán cho ngân hàng V số tiền lãi phát sinh theo quy định của hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Văn T không đến Tòa làm việc theo triệu tập của Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến của ông Lê Văn T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt không có lý do. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn T (có địa chỉ tại Phường M, Quận A) phải thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi theo các hợp đồng tín dụng: hợp đồng tín dụng số 2015296 giải ngân ngày 14/10/2014; hợp đồng tín dụng số 2719887 giải ngân ngày 27/01/2015 và hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-241480 mở ngày 09/4/2015, hạn mức là 13.000.000đồng, mục đích sử dụng vốn vay là để tiêu dùng. Như vậy, đây là tranh chấp về dân sự, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận A.

Bị đơn là ông Lê Văn T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa lần thứ hai vẫn vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án đã thông báo cho ông Lê Văn T về việc Tòa án thụ lý vụ kiện và các nội dung mà nguyên đơn yêu cầu cùng với các chứng cứ kèm theo về địa chỉ mà ông T đã cung cấp khi tiến hành giao dịch với Ngân hàng V, tuy nhiên phía ông T không có mặt trong quá trình Tòa án giải quyết cũng như tại phiên tòa, đồng thời Tòa án cũng không nhận được ý kiến hoặc văn bản của ông T về việc phản đối các tình tiết mà phía nguyên đơn đưa ra. Theo quy định tại khoản 2 điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Những tình tiết, sự kiện đương sự đưa ra mà đương sự kia thừa nhận hoặc không phản đối thì đương sự đó không phải chứng minh. Vì vậy, Tòa án công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do Ngân hàng V đưa ra có giá trị chứng minh.

Theo đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 19/01/2015; đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 19/01/2015; đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 04/4/2015 của ông Lê Văn T và lời trình bày của đại diện ngân hàng V, cho thấy giao dịch giữa Ngân hàng V và ông Lê Văn T là “Hợp đồng vay tài sản”, mức lãi suất hai bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, hợp đồng có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 117, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực thực hiện.

Về số tiền ông T còn nợ ngân hàng: theo lời trình bày của đại diện Ngân hàng V thì:

- Đối với hợp đồng tín dụng số 2015296 giải ngân ngày 14/10/2014 (căn cứ vào đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 29/9/2014), số tiền vay là 50.000.000đồng, thời hạn vay là 30 tháng (chia làm 30 kỳ trả nợ), lãi suất là 27%/năm, mục đích vay để tiêu dùng, thanh toán theo phương thức dư nợ giảm dần, trả dần lãi và gốc hàng tháng, mục đích vay tiêu dùng; ông T đã thanh toán được 11 kỳ, với tổng số tiền là 23.173.000đồng, trong đó, tiền nợ gốc là 13.091.657đồng, tiền lãi là 10.181.343đồng. Kể từ ngày 15/9/2015, ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký, tạm tính đến ngày 18/6/2018, ông T còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 36.908.343đồng, nợ lãi là 42.671.515đồng, tổng cộng là 79.579.858đồng.

- Đối với hợp đồng tín dụng số 2719887 giải ngân ngày 27/01/2015 (căn cứ vào đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 19/01/2015), số tiền vay là 33.000.000đồng, thời hạn vay là 48 tháng (chia làm 48 kỳ trả nợ), lãi suất vay là 30%/năm, mục đích vay để tiêu dùng, ông T đã thanh toán được 07 kỳ, với tổng số tiền là 8.381.000đồng, trong đó, tiền nợ gốc là 2.747.055đồng, tiền lãi là 5.633.945đồng. Kể từ ngày 28/9/2015, ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký, tạm tính đến ngày 18/6/2018, ông T còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 30.252.945đồng, nợ lãi là 38.390.952đồng, tổng cộng là 68.643.897đồng.

- Đối với hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-241480 mở ngày 09/4/2015, hạn mức là 13.000.000đồng, loại thẻ MC2 (theo đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ký ngày 04/4/2015), mức lãi suất áp dụng theo biểu lãi suất áp dụng qua từ thời kỳ của Ngân hàng TMCP V, ông T đã sử dụng hết số tiền là 12.900.402đồng, nhưng ông T đã không thanh toán số tiền nợ thẻ nêu trên, tạm tính đến ngày 18/6/2018, đối với hợp đồng này, ông T còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 12.900.402đồng, nợ lãi là 13.537.188đồng, tổng cộng là 26.437.590đồng.

Như vậy, phía ông T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký giữa hai bên. Theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự thì ông T phải có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng V nên đã có cơ sở để HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và buộc ông T phải thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn.

[3] Về thời hạn thanh toán: ngân hàng V yêu cầu ông Lê Văn T phải có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng V toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi là 174.661.345đ (một trăm bảy mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn ba trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 80.061.690đồng và tiền lãi là 94.599.655đồng, yêu cầu thanh toán ngay một lần toàn bộ số nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

[4] Căn cứ án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm thì:

“Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Nên ông Lê Văn T còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn trên phần nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

[5] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn T phải chịu án phí dân sự là $174.661.345đ \times 5\% = 8.733.067đ$ đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016).

Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 417, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Buộc ông Lê Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V số tiền vốn vay còn nợ là 174.661.345đ (một trăm bảy mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn ba trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 80.061.690đồng và tiền lãi là 94.599.655đồng theo các hợp đồng tín dụng: hợp đồng tín dụng số 2015296 giải ngân ngày 14/10/2014 (căn cứ vào đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng ngày 29/9/2014); hợp đồng tín dụng số 2719887 giải ngân ngày 27/01/2015 (căn cứ vào đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng ngày 19/01/2015) và hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-241480 mở ngày 09/4/2015, hạn mức là 13.000.000đồng, loại thẻ MC2 (theo đơn đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ký ngày 04/4/2015).

Thời hạn thanh toán: Thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Lê Văn T còn phải tiếp tục trả cho ngân hàng V khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V thì lãi suất mà ông Lê Văn T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Văn T phải nộp án phí là: 8.733.067đ (tám triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn không trăm sáu mươi bảy đồng).

- Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V không phải nộp án phí, trả lại cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 3.930.890đ (ba triệu chín trăm ba mươi nghìn tám trăm chín mươi đồng) theo biên lai thu số 0028247 ngày 19/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

5/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận A;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Cao Thị Hồng Nga
(đã ký tên và đóng dấu)